

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THẠNH PHÚ  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 109/2024/DS-ST  
Ngày: 17-7-2024  
V/v tranh chấp hợp mua bán tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hồ Văn Tú

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Trịnh Xuân Tùng
- Bà Nguyễn Thanh Phong

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Hữu Văn - Thư ký Tòa án.

Trong ngày 17 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 159/2024/TLST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp “hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2024/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 117/2024/QĐST-DS ngày 27 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Huỳnh Văn L, sinh năm 1990. Địa chỉ: số E, ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Bến Tre. (có đơn xin vắng mặt).

2. *Bị đơn:*

2.1. Bà Đoàn Thị H, sinh năm 1972; địa chỉ: số nhà D, ấp V, xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre. (có đơn xin vắng mặt).

2.2. Ông Nguyễn Thành S, sinh năm 1965; địa chỉ: số nhà D, ấp V, xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 20/02/2024, bản khai ngày 07/6/2024, trong quá trình tố tụng nguyên đơn ông Huỳnh Văn L trình bày:*

Trước đây, ông có bán thức ăn chăn nuôi heo cho vợ chồng bà Đoàn Thị H và ông Nguyễn Thành S, việc nuôi heo phục vụ kinh tế chung của gia đình bà H, ông S. Thời điểm, bà H và ông S mua thức ăn chăn nuôi của ông thì bà H và ông S là vợ chồng. Bà H và ông S có đăng ký kết hôn và tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre. Hình thức mua bán hai bên thỏa thuận là ông bán trước sau đó đến vụ tổng kết nợ lại thì bà H, ông S trả nợ cho ông. Đến ngày 25/9/2017 âm lịch, tổng kết lại bà H, ông S còn nợ ông tổng số tiền là 197.336.000 đồng. Bà H có ký tên xác nhận trong sổ giao nhận thức ăn ông đã cung cấp cho Tòa án. Ngày 17/9/2019 âm lịch, bà H có trả cho ông số tiền là 10.000.000 đồng, đến ngày

11/5/2020 âm lịch bà H có trả tiếp cho ông số tiền là 4.000.000 đồng, sau đó bà H và ông S không thực hiện việc trả nợ tiếp cho ông. Ông có đòi nợ nhiều lần nhưng bà H và ông S không trả tiền thức ăn cho ông.

Theo đơn khởi kiện thì ông yêu cầu tính lãi chậm trả tính từ ngày 01/7/2020 đến khi giải quyết xong vụ án với mức lãi suất là 0,83%/tháng (tạm tính lãi từ ngày 01/7/2020 đến ngày 01/02/2024 là 65.432.618 đồng). Nay ông xin rút một phần yêu cầu khởi kiện là ông không yêu cầu tính lãi như đơn khởi kiện mà ông đã nộp cho Tòa án.

Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết: buộc bà Đoàn Thị H và ông Nguyễn Thành S nghĩa vụ liên đới trả cho ông số tiền mua bán thức ăn còn nợ là 183.336.000 đồng, ông không yêu cầu tính lãi. Nguyên đơn không có yêu cầu gì khác.

*Tại đơn yêu cầu giải quyết xét xử vắng mặt ngày 26/6/2024, bị đơn bà Đoàn Thị H trình bày:* Bà và ông Nguyễn Thành S, sinh năm 1965; địa chỉ: số nhà D, ấp V, xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre là vợ chồng hợp pháp có đăng ký kết hôn theo quy định. Trước đây, bà có mua thức ăn chăn nuôi heo của ông Huỳnh Văn L, việc nuôi heo phục vụ kinh tế chung của gia đình bà. Hình thức mua bán hai bên thỏa thuận là ông L bán thức ăn trước cho bà đến khi bà bán heo sẽ trả tiền cho ông L. Do việc nuôi theo bị dịch bệnh dẫn đến thua lỗ nên không có khả năng trả tiền thức ăn cho ông L. Hiện nay bà đã nghỉ chăn nuôi heo và không còn mua bán thức ăn với ông L. Đến ngày 25/9/2017 âm lịch, tổng kết lại bà còn nợ ông L số tiền là 197.336.000 đồng. Bà có ký tên xác nhận trong sổ giao nhận thức ăn mà ông L đã cung cấp cho Tòa án. Ngày 17/9/2019 âm lịch, bà có trả cho ông L số tiền là 10.000.000 đồng, đến ngày 11/5/2020 âm lịch bà có trả tiếp cho ông L số tiền là 4.000.000 đồng, sau đó do không có điều kiện đến nay bà chưa trả hết số tiền nợ còn lại cho ông L, bà có xin ông L trả dần nhưng ông L không đồng ý. Bà thừa nhận bà còn nợ ông L số tiền là 183.336.000 đồng. Nay bà đồng ý cùng chồng bà là ông Nguyễn Thành S trả số tiền 183.336.000 đồng cho ông L. Do bận công việc ở xa nên bà xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và phiên tòa xét xử vụ án.

*Bị đơn ông Nguyễn Thành S vắng mặt suốt trong quá trình tố tụng nên không có lời trình bày.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Văn L yêu cầu bị đơn bà Đoàn Thị H và ông Nguyễn Thành S trả tiền mua bán còn nợ nên xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo quy định tại Điều 430 Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn bà Đoàn Thị H và ông Nguyễn Thành S cư trú tại ấp V, xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều

39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

[2] Về thủ tục tố tụng: nguyên đơn ông Huỳnh Văn L, bị đơn bà Đoàn Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Huỳnh Văn L và bà Đoàn Thị H. Đối với bị đơn ông Nguyễn Thành S đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng trình tự thủ tục quy định tại Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đồng thời ông Nguyễn Thành S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Thành S.

[3] Về nội dung tranh chấp: Theo nội dung yêu cầu khởi kiện nguyên đơn ông Huỳnh Văn L yêu cầu bị đơn bà Đoàn Thị H và ông Nguyễn Thành S có nghĩa vụ liên đới trả số tiền mua bán thức ăn chăn nuôi còn nợ là 183.336.000 đồng, nguyên đơn không yêu cầu tính lãi.

[3.1] Bị đơn bà Đoàn Thị H thừa nhận có mua bán thức ăn chăn nuôi với ông Huỳnh Văn L, bà Đoàn Thị H thừa nhận còn nợ ông Huỳnh Văn L số tiền mua bán là 183.336.000 đồng nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh đối với các đương sự theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3.2] Xét yêu cầu trách nhiệm liên đới trả nợ của bị đơn bà Đoàn Thị H và ông Nguyễn Thành S, Hội đồng xét xử nhận thấy: nguyên đơn ông Huỳnh Văn L có giao nộp cho Tòa án là 01 bản sao trích lục kết hôn của bà Đoàn Thị H và ông Lê Thành S1 thể hiện bà H và ông S1 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T vào năm 1996. Bị đơn bà Đoàn Thị H thừa nhận việc bà H mua thức ăn chăn nuôi của ông L để phục vụ kinh tế chung của gia đình, bà H và ông S1 có đăng ký kết hôn và bà H cũng đồng ý cùng ông S1 để trả số tiền 183.336.000 đồng cho ông L. Đối với ông Nguyễn Thành S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần và đã được tổng đạt các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn giao nộp, đồng thời Tòa án cũng ban hành Thông báo giao nộp tài liệu chứng cứ để ông Nguyễn Thành S trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng ông Nguyễn Thành S không có ý kiến trình bày và vắng không có lý do trong tất cả các lần Tòa án triệu tập xem như ông Nguyễn Thành S đã tự từ bỏ nghĩa vụ chứng minh của mình. Vì vậy, cần buộc bà Đoàn Thị H và ông Nguyễn Thành S phải có nghĩa vụ liên đới để trả nợ cho ông Huỳnh Văn L là phù hợp với quy định tại các Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Như vậy, có cơ sở xác định hợp đồng mua bán tài sản giữa ông Huỳnh Văn L với bà Đoàn Thị H và ông Nguyễn Thành S được giao kết trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không ai bị lừa dối hoặc bị ép buộc, các bên đều có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên được xem là hợp đồng hợp pháp và được công nhận theo quy định tại Điều 430 Bộ luật Dân sự năm 2015. Bị đơn bà Đoàn Thị H và ông Nguyễn Thành S chưa thanh toán cho ông Huỳnh Văn L số tiền mua bán 183.336.000 đồng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Huỳnh Văn L. Do đó, cần buộc bà Đoàn Thị H

và ông Nguyễn Thành S có nghĩa vụ trả cho ông Huỳnh Văn L số tiền 183.336.000 đồng là phù hợp.

[5] Đối với yêu cầu tính lãi, theo đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu tính lãi chậm trả, lãi tính từ ngày 01/7/2020 đến khi giải quyết xong vụ án, với mức lãi suất là 0,83%/tháng (tạm tính lãi từ ngày 01/7/2020 đến ngày 01/02/2024 là 65.432.618 đồng). Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu tính lãi, cụ thể nguyên đơn không yêu cầu tính lãi với bị đơn. Xét thấy, việc xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn. Do nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên không xem xét.

[6] Do yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn L được chấp nhận nên bà Đoàn Thị H và ông Nguyễn Thành S phải có nghĩa vụ liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Án phí được tính như sau: 183.336.000 đồng x 5% = 9.166.800 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 430, 440 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

Áp dụng Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Văn L với bị đơn bà Đoàn Thị H và ông Nguyễn Thành S đối với yêu cầu tính lãi chậm trả, lãi tính từ ngày 01/7/2020 đến khi giải quyết xong vụ án.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Văn L với bị đơn bà Đoàn Thị H và ông Nguyễn Thành S. Buộc bà Đoàn Thị H và ông Nguyễn Thành S có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Huỳnh Văn L số tiền mua bán thức ăn còn nợ là 183.336.000 đồng (một trăm tám mươi ba triệu, ba trăm ba mươi sáu ngàn đồng), ghi nhận ông Huỳnh Văn L không yêu cầu tính lãi.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Đoàn Thị H và ông Nguyễn Thành S có nghĩa vụ liên đới nộp 9.166.800 đồng (chín triệu, một trăm sáu mươi sáu ngàn, tám trăm đồng).

Ông Huỳnh Văn L được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.219.000 đồng (sáu triệu, hai trăm mười chín ngàn đồng) theo biên lai thu số 0000089 ngày 12/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Hồ Văn Tú**